

NGUYỄN NGỌC THẠCH

KỶ NIỆM KHÓ QUÊN

và niềm vui ngày gặp lại

Trong cuộc đời tôi chứng kiến nhiều cuộc chia tay, gặp mặt thật cảm động của cha mẹ và con cái, vợ chồng, bạn bè, người yêu, thầy trò... nhưng có một cuộc gặp mặt tôi chứng kiến mà không cảm được nước mắt. Thầy giáo T và phụ huynh cùng học sinh cũ gặp nhau sau 30 năm xa cách, ôm chầm lấy nhau khóc nức nở như những người trong chương trình “Như chưa hề có cuộc chia ly” trên ti vi.

Sau phút gặp mặt đầy cảm động, mọi người hàn huyên “ôn nghèo kể khổ”. Chưa đầy 30 phút sau mà học sinh cũ, phụ huynh, giáo viên đến đầy nhà, xe máy đầy sân. Câu chuyện bắt đầu từ 30 năm trước hiện về như một thước phim.

Trên chuyến xe từ huyện Lăk về Thành phố Buôn Ma Thuột, điều khiến tôi suy nghĩ: Tại sao sau 30 năm xa cách, so với quãng đời của

một con người là quá dài mà tình cảm của dân làng nơi đây đối với thầy giáo cũ vẫn còn triu mến đến như vậy? Tôi tò mò, gọi chuyện để được nghe thầy giáo T kể lại “quá trình công tác” của mình. Khi biết tôi có ý định ghi lại câu chuyện này thì thầy dặn đi dặn lại phải viết đúng sự thật và đừng nêu tên tuổi của thầy, vì đóng góp của thầy đối với thế hệ học sinh Yăng Bung II, xã Buôn Triết, đối với Tây Nguyên chưa đáng là bao so với các giáo viên khác. Dù sao đến bây giờ thầy cũng có một gia đình hạnh phúc. Vì còn biết bao cô giáo vào ngành ngày ấy đến bây giờ vẫn độc thân, một mình về hưu lắm lũ, cô đơn. Họ đã hy sinh cả tuổi thanh xuân của mình cho sự nghiệp trồng người ở Tây Nguyên. Có người vì sốt rét, bệnh tật đã mãi mãi nằm lại với Tây Nguyên khi tuổi đời còn rất trẻ.

Với giọng trầm ấm thầy kể: Sau khi tốt nghiệp Cao đẳng Sư phạm Buôn Ma Thuột, năm 1980 khi ấy tròn 21 tuổi, với tinh thần nhiệt huyết của tuổi trẻ, chúng tôi hăm hở lắm, với những kiến thức được trang bị ở nhà trường sư phạm, rất nóng lòng được cống hiến phục vụ, dù bất cứ nơi đâu trên mảnh đất Tây Nguyên bao la này. Tôi được Ty (bây giờ gọi là Sở) Giáo dục Đắk Lắk phân công về giảng dạy ở huyện Lắk. Nhận quyết định về dạy học tại trường cấp II Yăng Bung II, xã Buôn Triết (nay là trường THCS Lê Quý Đôn).

Nhận quyết định từ Phòng Giáo dục, tôi đi bộ gần 20km về trường, gặp ai cũng hỏi đường. Đường đất nhỏ, hai bên là những cánh rừng già bạt ngàn, hoang vu, thỉnh thoảng mới có một vài bản người dân tộc cheo leo bên sườn đồi, hoặc những ngôi nhà thưa thớt bên bìa rừng của người dân kinh tế mới tỉnh Thái Bình. Đến nơi, thầy cô ở “lều” nội trú đón tôi với ánh mắt dò xét một sinh viên từ “thành phố” về:

- Nhìn thư sinh thế kia, ba bảy hai mốt ngày rồi cũng lại bỏ về như mấy anh chị trước đây thôi – một cô ở nội trú nói vọng ra, tôi nghe mà chạnh lòng.

Đặt ba lô xuống gốc cây khô trước cửa “lều” tôi cố gắng nở nụ cười sau gần 20km đi bộ từ huyện

vào. Trong suy nghĩ của tôi, ngôi trường ngày đi thực tập sư phạm với “ngôi trường” trước mặt tôi là một trời một vực; gọi là trường nhưng chỉ là những túp lều mái tranh, vách đất, nằm ở đầu thôn, không biển hiệu, không cổng trường, không tường rào. Trường nông thôn, vùng xa không thể bằng thành phố nhưng tôi không nghĩ là có sự chênh lệch nhiều như vậy?

Về trường hôm trước, hôm sau cô Hiệu trưởng gọi lên phân công nhiệm vụ, nhận sách giáo khoa và bước vào giảng dạy ngay, vì trường đang thiếu giáo viên. Tôi được phân công chủ nhiệm lớp 9, có trên 40 em. Điều khiến tôi bất ngờ, khi bước vào lớp là học sinh nhiều em to cao hơn thầy, chỉ thua thầy vài ba tuổi. Sau tìm hiểu mới biết đa số các em người Quảng Nam, gia đình cách mạng, sống trong vùng hậu cứ nên đi học muộn. Sau giải phóng 1975, các em được học chương trình 2 lớp một năm. Các em rất ngoan và tự giác học tập... Những học sinh tôi dạy ngày ấy bây giờ đã thành ông, thành bà, có nhiều em thành đạt lắm, có những em giữ chức vụ cao trong ngành Công an, Quân đội, có những em là cán bộ chủ chốt cấp huyện, cấp xã. Chú thầy không, lúc này có mấy em cảm ơn thầy riu rít: “Ngày ấy thầy dạy em, chúng

em không đi được đâu, không làm được ông này bà nọ nhưng thầy đã dạy cho chúng em sự hiểu biết để bây giờ dạy con của chúng em nên người". Tôi được các em cho biết, con của các em đang học đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh. Tôi mừng thầm vì cuộc sống nơi đây đang phát triển, tác dụng của giáo dục không phải ngày một, ngày hai mà nó lâu dài với nhiều thế hệ.

Thời ấy gian khổ lắm chú ạ! Những đêm đầu tiên đến trường tôi phải kê bàn học sinh để ngủ. Mấy hôm sau thầy trò lên rừng chặt lồ ô để làm giường. Cái giường lồ ô có bốn chân chôn dưới đất tôi phải nằm suốt bốn năm, khi có một giáo viên chuyển vùng tôi mới được tiếp quản cái giường gỗ. Còn thức ăn thì chủ yếu rau rừng, măng le. Đồng lương hồi ấy, ngoài chế độ tem phiếu nhà nước, mỗi tháng cũng chỉ mua được 20 bát phở (Do đói nên chúng tôi lấy phở làm chuẩn). Ra trường bảy năm nhưng không mua nổi một chiếc xe đạp. Có công chuyện đi ra huyện chúng tôi phải đi bộ gần 40 km cả đi và về. Năm 1982, huyện Lăk bị lũ lớn kéo dài ba tháng, giáo viên không ra huyện để mua gạo được (Cả trường chung một quyển sổ mua lương thực - mỗi tháng một người 10kg gạo và 3kg ngô vàng hoặc khoai lát). Mọi người

đói vàng cả mắt nhưng không biết kêu ai. May mà học sinh biết thầy ăn củ đi dạy nên phụ huynh tổ chức góp gạo nuôi thầy. Nhân dân ở đây kính trọng thầy giáo lắm. Ngày giỗ, tết hoặc gia đình có việc gì lớn chúng tôi đều được họ mời mọc, thiết đãi. Những ngày chủ nhật rảnh rỗi, anh em giáo viên cũng ra đồng thu hoạch mùa hoặc làm rẫy giúp dân.

Về đời sống tinh thần, thời ấy không có ti vi, điện thoại như bây giờ, mừng nhất là nhận được lá thư từ quê nhà, mọi người xúm nhau đọc chung và đưa ra "luật lệ" ai nhận được thư là phải khao anh em nội trú một bữa hoa quả. Niềm vui là do con người tạo ra. Tôi được bầu làm Bí thư đoàn trường, tổ chức các hoạt động rất sôi nổi như: cắm trại, tổ chức đêm liên hoan văn nghệ mừng xuân. Sân khấu ghép bằng ghé, báng. Ánh sáng đốt bằng đuốc lồ ô. Mỗi lớp biểu diễn 2 tiết mục. Thế mà nhân dân từ các thôn xóm, buôn làng kéo về xem rất đông. Thời ấy ở đây mọi người đều "đói" thưởng thức nghệ thuật nên thích lắm.

Ngày hai buổi lên lớp đều đặn. Thời ấy, thiếu giáo viên nên chúng tôi phải dạy gấp đôi giờ tiêu chuẩn mà không mấy may nghĩ đến một đồng tiền thừa giờ. Tôi còn nhớ buổi bồi dưỡng học sinh giỏi đầu tiên chỉ

có 05 em, nhà trường không có lịch, không bắt buộc nhưng với lòng say mê nghề nghiệp của tuổi trẻ chúng tôi đã tự tổ chức bồi dưỡng học sinh giỏi. Tôi còn nhớ như in tiết học cuối cùng để các em đi thi học sinh giỏi cấp huyện, bước vào lớp là một ly nước chanh đá, các em mua của bà bán hàng gần đó. Thời đó, ly nước chanh là “đặc sản” lắm rồi. Nhưng bây giờ nghĩ lại có lẽ chẳng ai dám uống, ly cũ, đường đen, nước... đúng là một miếng khi đói bằng một gói khi no. Câu chuyện “ly nước chanh”, sáng nay có một em học sinh còn nhắc lại.

Kỷ niệm học tiếng dân tộc Ê Đê từ học sinh cũng vui đáo để. Có lần tôi nhờ một em học sinh gọi một em học sinh nữ, em đó nói với em nữ: nai chẳng yêu ong (tiếng dân tộc Ê Đê: nai = thầy (cô); chẳng = muốn; yêu = gọi; ong = mày (em)). Tôi mới bập bẹ học tiếng dân tộc Ê Đê, trừ mỗi tiếng “yêu” chưa học đến, do không dịch nên hiểu sai là: Thầy muốn “yêu” mày và tôi còn cáu gắt với em học sinh gọi dùm đó mà em không hề biết mình mắc lỗi gì? Khi hiểu ra, tôi cười ngượng ngùng xin lỗi, em đó vui lắm. Từ đó, tôi thận trọng hơn, để không mắc những sai lầm tương tự, tôi đã rất tích cực học tiếng Ê Đê, đặc biệt hơn là cách học từ các em

học sinh thông qua giao tiếp hàng ngày. Thầy trò gần gũi nhau hơn, trò chuyện nhiều hơn, học trò cũng mạnh dạn hơn khi được làm “thầy giáo” ngược để dạy tiếng của mình cho thầy giáo của mình. Thật thú vị và ý nghĩa biết bao, để hoàn thiện bản thân thì “không chỉ thầy dạy trò mà thầy còn phải học trò”.

Gian nan vất vả nhất là hè về thăm gia đình. Không về thì hai tháng hè không biết làm gì, buồn, nhớ và đói... Có lần về hè phải mất một tuần chúng tôi mới về đến nhà (do chờ mua vé từng chặng). Vừa về hôm trước, hôm sau phải ra ga Vinh để đăng ký mua vé đi vào (phải đăng ký trước một tháng mới mua được vé). Nhờ có “thẻ đỏ ưu tiên giáo viên miền núi” nên việc đăng ký, mua vé đối với chúng tôi dễ dàng hơn. Cảm ơn Bộ Giáo dục, cảm ơn người nào đó đã nghĩ ra cái “thẻ đỏ” ấy. Tôi nghĩ cái “thẻ đỏ” ấy đã níu chân, giữ chân bao lớp thầy cô giáo ở lại với vùng cao, vùng xa... Rồi có lần, để quay lại Buôn Ma Thuột tôi phải từ quê ra thành phố Vinh (hơn 50km) mới mua được vé tàu VQ đi Quy Nhơn, để đi xe lên Buôn Ma Thuột rồi mua vé xe Buôn Ma Thuột về Lắk. Bây giờ thì dễ quá, xe đón người chứ không phải mua vé khó khăn như thời bao cấp. Và kỷ niệm khó quên nhất, đó là tôi cùng anh bạn cũng dạy ở tỉnh

Đắk Lắk xin đi tàu hàng từ nhà đến thị trấn Đức Thọ (khoảng 25km), còn 25km ra thành phố Vinh phải đi bộ trên đường ray tàu hỏa dưới cái nắng mùa hè, gió Lào nóng rất thổi bạt làm chúng tôi phải khom người chống đỡ, bước đi dáng xiêu vẹo vì mệt, vì đói.

...Thời gian trôi đi, những ánh mắt học trò, những tình cảm của phụ huynh, của người dân nơi đây đã làm tôi thay đổi dần “ý định bỏ về” của mình. Những đêm trời mưa gió âm âm, những bữa cơm đạm bạc, những khó khăn trong cuộc sống... “ruồi vàng, bọ chó, gió Tây Nguyên”, bụng đói cồn cào, nhớ nhà, nhớ Buôn Ma Thuột, nhớ ánh đèn điện “thành phố”.

...Bây giờ nghĩ lại tôi vẫn không thể tin mình đã vượt qua được những đêm đói rét, buồn, nhớ nhà.

Kỷ niệm khó quên, thôi thúc tôi sau 30 năm trở lại thăm phụ huynh. Đó là, ngày tôi chuyển về Hà Tĩnh gia đình phụ huynh tổ chức “liên hoan” có canh thịt gà, tôi không nói ra nhưng cứ suy nghĩ sao thịt con gà gầy thế. Sau này tôi mới biết, gia đình phụ huynh đã làm thịt con gà duy nhất đang ấp dở để liên hoan cho tôi về Bắc. Khi biết chuyện này tôi đã không cầm được nước mắt. Ôi! tình cảm của phụ huynh đối với tôi, đối với giáo viên vùng cao thật

quý giá. Tôi còn nhớ như in, bốn giờ sáng tiễn tôi ra xe, đoàn người đông lắm. Đi đầu là ông già Tại - người cao tuổi nhất làng - mắt đỏ hoe, miệng móm mém dặn dò tôi: “Con về cho khỏe, rồi nhớ có dịp vào thăm nghe con”. Ngồi trên xe rồi mà hình ảnh dân làng vẫn đứng soi đuốc, ngọn đuốc lập lòe, chập chờn trong sáng sớm se lạnh của vùng cao Tây Nguyên cứ đọng mãi trong đầu tôi suốt 30 năm qua.

Lần vào thăm này, tôi không gặp được ông già Tại nữa. Chỉ thấp một nén nhang trên ngôi mộ của ông... Đoàn người đi cùng tôi ai cũng khóc nức nở...

Bây giờ là cán bộ phòng Giáo dục và Đào tạo dù gần nghỉ hưu nhưng đối với tôi 7 năm dạy học ở Yăng Bung II, huyện Lắk là một khoảng thời gian có nhiều kỷ niệm không bao giờ quên, đặc biệt là tình cảm của phụ huynh, học sinh Yăng Bung II ngày ấy. Tôi cũng cảm ơn bao thế hệ thầy cô giáo, họ cũng như tôi chia tay gia đình, bạn bè, người yêu để đến nơi gian khó như Yăng Bung II, như Tây Nguyên. Những người giáo viên ngày ấy, bây giờ còn ở lại trong ngành giáo dục phải là những người có tình yêu nghề nghiệp nồng cháy và đã vượt qua gian khó để đứng vững trong ngành.

Xe đang chạy bon bon, câu

chuyện của thầy đang say sưa thì xe phải dừng lại vì hiệu lệnh của cảnh sát giao thông. Sau khi chào lái xe, anh cảnh sát yêu cầu lái xe nộp phạt vì lấn làn. Lái xe đang giải trình thì thầy bước xuống xe. Bất chợt, anh cảnh sát giao thông thay đổi sắc mặt từ nghiêm nghị đến ngạc nhiên.

- Ô! Chào thầy! Thầy có phải thầy T không ạ? - Anh cảnh sát giao thông chào rất lễ phép.

- Đúng tôi là T.

- Hồi những năm 80, thầy có dạy lớp 6 ở Yăng Bung phải không ạ? Em là H. đây, hồi đó em học lớp 6 do thầy dạy văn và chủ nhiệm lớp.

- ...

Khi chúng tôi lên xe, anh cảnh sát giao thông còn gửi tặng mấy gói cà phê mua của quán gần đó. Tôi liếc nhìn qua thấy thầy T mím chặt môi để kìm nén cảm xúc và cố ngăn dòng nước mắt đang từ từ chảy, có lẽ thầy thực sự xúc động khi học trò cũ ở đâu đó gặp lại thầy vẫn nhớ đến và thể hiện sự tôn kính đối với thầy giáo của mình... và thầy kể tiếp:

Thú thật, mình cũng không nhớ cậu H. này nữa. Trò nhớ thầy, chứ hàng chục thế hệ học sinh làm sao mình nhớ nổi. Những kỷ niệm về học sinh cũ, về phụ huynh càng làm mình thêm yêu nghề dạy học. Nếu có kiếp sau mình vẫn chọn nghề dạy học.

30 năm trở lại với Tây Nguyên, cảnh vật người xưa đã thay đổi. Chuyển đi cảm động đầy nước mắt, nhưng là nước mắt của tình cảm thầy trò, phụ huynh. Nước mắt hạnh phúc của ngày gặp lại. Là một thầy giáo bình thường như hàng ngàn, hàng vạn thầy cô giáo khác, tôi thấy mình đã sống có ý nghĩa những năm tháng tuổi trẻ ở nơi này, không lãng phí, không ân hận...

Tạm biệt Yăng Bung II, tạm biệt Lăk, tạm biệt Tây Nguyên. Hẹn ngày gặp lại...

...Chia tay thầy T ra Bắc, lòng tôi bồi hồi xúc động. Chứng kiến cảnh gặp mặt, nghe câu chuyện thầy kể về những kỷ niệm xưa, tôi thật sự cảm phục lớp thầy cô ngày trước đã chịu nhiều gian khó hy sinh để thấp lên ngọn đuốc làm bừng sáng núi rừng Tây Nguyên. Những người giáo viên ngày ấy, bây giờ còn ở lại trong ngành giáo dục phải là những người vượt qua gian khó để đứng trong ngành. Họ xứng đáng là những anh hùng vô danh như lời Bác Hồ: "Người thầy giáo tốt - Thầy giáo xứng đáng là thầy giáo - Là người vẻ vang nhất - Dù là tên tuổi không đăng trên báo, không được thưởng huân chương, song những người thầy giáo tốt là những anh hùng vô danh. Đây là một điều rất vẻ vang" /.